

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25-3-2021.
“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hữu Trọng**; ông **Nguyễn Ngọc Quý**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Luân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thị Hồng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 41/2021/TLST-HNGĐ ngày 26/01/2021 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1995; HKTT và cư trú: Thôn MT, xã HV, huyện C, Hà Nội. Có mặt

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; HKTT: Thôn MT, xã HV, huyện C, Hà Nội. Hiện cư trú: Xóm M, xã T, huyện C, Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/01/2021, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – anh Nguyễn Văn Th trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HV, huyện C vào ngày 29/8/2016. Quá trình chung sống vợ chồng anh không còn tình cảm nên đầu năm 2019 thì vợ chồng anh ly thân, chị H về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Khi vợ chồng ly thân, anh có xuống khuyên chị H về

nhưng chị H không về. Nay anh xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho chị H thông qua người nhà chị H, nhưng chị H không có văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.**

*** Bà Nguyễn Thị Đ là mẹ đẻ của chị H trình bày:** Năm 2015, chị H và anh Th có đăng ký kết hôn tại UBND xã HV, huyện C, Hà Nội. Bà nghe chị H nói là anh Th không quan tâm đến vợ và đánh vợ, dẫn đến chị H về chung sống cùng bà được hơn 01 năm; do anh Th không tích cực vun vén hạnh phúc gia đình nên chị H không tiếp tục về chung sống với anh Th nữa. Chị H không đồng ý ly hôn với anh Th. Chị H và anh Th không có con chung.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – Anh Th vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị đơn không chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng do pháp luật quy định.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của anh Th. Anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn Th có đơn khởi kiện đối với chị Nguyễn Thị H về việc xin ly hôn nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn – Chị H có hộ khẩu thường trú tại xã HV, huyện C và cư trú tại xã T, huyện C, Thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện

Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Sự vắng mặt của bị đơn - chị Nguyễn Thị H: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị H, chị H vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt của chị H.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/8/2016 tại UBND xã HV, huyện C, Hà Nội, đã tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Th thì thấy: Anh Th cho rằng vợ chồng không còn tình cảm và đã ly thân từ đầu năm 2019, tuy anh có bảo chị H về chung sống nhưng chị H không về. Chị H không thể hiện quan điểm trước yêu cầu xin ly hôn của anh Th, không đến Tòa án làm việc. Mẹ đẻ chị H xác định vợ chồng anh Th, chị H ly thân hơn 01 năm và chị H xác định không về chung sống với anh Th. Như vậy, giữa anh Th và chị H mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Th được ly hôn với chị H.

[2.2] Về con chung: Anh Th và chị H không có con chung.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị H không có quan điểm trình bày về tài sản chung, công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271, và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Anh Nguyễn Văn Th được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.
4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Th phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được đối trừ với 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí anh Th đã nộp theo “Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số AA/2018/0010527 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ ngày 25/01/2021.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã HV (Số 52/2016);
- Lưu: Hồ sơ /V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai